

Số: 47/CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 1996

NGHỊ ĐỊNH

**CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 47/CP NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 1996 VỀ QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU
NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Để tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu bảo vệ
Tổ quốc và giữ gìn an ninh quốc gia - trật tự, an toàn xã hội;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Tổng
cục trưởng Tổng cục Thể dục Thể thao,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này "Quy chế quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ". Quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Điều 2.- Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân người nước ngoài đang cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh những quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Điều 3.- Người đứng đầu các tổ chức được trang bị, sử dụng hoặc bảo quản vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 4.-

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phát hiện, thu nộp, đấu tranh ngăn chặn vi phạm các quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ sẽ được khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường.

Điều 5.- Các cơ quan Nhà nước phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân thi hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Chương 2:

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Điều 6.- Chính phủ thống nhất việc quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong phạm vi cả nước.

Điều 7.- Bộ Nội vụ giúp Chính phủ quản lý các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ ngoài phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và có trách nhiệm:

1. Quy định đối tượng cụ thể được trang bị các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, được vận chuyển vật liệu nổ (trừ đối tượng quy định tại Điều 8 Nghị định này).

2. Đăng ký, cấp giấy phép sử dụng, vận chuyển, mua và sửa chữa vũ khí và công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cấp giấy phép mang vào hoặc mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ để bảo

vệ nguyên thủ quốc gia và những người đứng đầu Chính phủ; luyện tập và thi đấu thể thao, quảng cáo, triển lãm, chào hàng.

4. Tổ chức cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, an toàn phòng cháy, chữa cháy cho các kho, các cơ sở sản xuất, kinh doanh sửa chữa các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

5. Thực hiện chuyển loại, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí quân dụng, vật liệu, súng săn và công cụ hỗ trợ.

6. Phối hợp với Tổng cục Thể dục thể thao quy định chế độ quản lý, đối tượng được trang bị và cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao cho các đơn vị, câu lạc bộ, trường hoặc trung tâm huấn luyện, thi đấu thể thao; chuyển loại, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí thể thao.

7. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 8.- Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong phạm vi quản lý của mình và có trách nhiệm:

1. quy định cụ thể đối tượng được trang bị các loại vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ cho bộ đội chủ lực, bộ đội biên phòng, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

2. Đăng ký, cấp giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cung cấp hoặc chuyển nhượng vũ khí quân dụng cho một số đối tượng ngoài phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng khi được Bộ Nội vụ cho phép bằng văn bản.

4. Tổ chức các cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ trong quân đội.

5. Tiếp nhận, xử lý, tiêu huỷ vũ khí quân dụng, các loại bom, mìn, lựu đạn, thuốc phóng, vật liệu nổ do tổ chức và cá nhân giao nộp. 6. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng các loại vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc đối tượng do Bộ Quốc phòng trang bị.

7. Thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Nội vụ thực hiện việc sửa chữa, chuyển loại, thanh lý vũ khí quân dụng, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Điều 9.- Bộ Công nghiệp có trách nhiệm:

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước trong việc sản xuất, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho các cơ sở sản xuất, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sau khi có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự của Bộ Nội vụ.

3. Chủ trì và phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng, quy hoạch tổng thể kế hoạch phát triển vật liệu nổ công nghiệp.

4. Chủ trì và phối hợp với Bộ Nội vụ hoặc Bộ Quốc phòng kiểm tra các cơ sở sản xuất, cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 10.- Tổng cục Thể dục thể thao có trách nhiệm:

1. Quản lý các loại vũ khí thể thao được trang bị phục vụ cho việc huấn luyện, thi đấu thể thao.

2. Chủ trì và phối hợp với Bộ Nội vụ quy định đối tượng được trang bị vũ khí thể thao cho các đơn vị, câu lạc bộ, trường hoặc trung tâm huấn luyện, thi đấu thể thao.

3. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vũ khí thể thao đã được trang bị cho các cơ sở huấn luyện, thi đấu thể thao.

4. Chủ trì và phối hợp với Bộ Nội vụ thực hiện việc thanh lý, chuyển loại, tiêu huỷ các loại vũ khí thể thao.

Điều 11.- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công nghiệp, Tổng cục Thể dục Thể thao thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, và công cụ hỗ trợ.

2. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng, bảo quản, các loại vũ khí, vật liệu nổ công cụ hỗ trợ được trang bị cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Khai, đăng ký các loại vũ khí, súng săn, công cụ hỗ trợ được trang bị với cơ quan Công an có thẩm quyền.

Điều 12.- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các ngành chức năng của địa phương và Ủy ban nhân dân cấp dưới tổ chức thực hiện các quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Điều 13.- Cơ quan thông tin báo chí, đài phát thanh, truyền hình của Trung ương và địa phương có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Việc tuyên truyền này không được thu phí.

Chương 3:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14.-

1. Từ ngày 01 tháng 9 năm 1996 phải tiến hành tổng kiểm tra và đổi lại giấy phép sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trong phạm vi cả nước.
2. Bộ Nội vụ chủ trì cùng với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kiểm tra và đổi lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, súng săn và công cụ hỗ trợ.
3. Bộ Quốc phòng tiến hành tổng kiểm tra và đổi lại giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.
4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kê khai các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ hiện có với cơ quan quân đội và Công an có thẩm quyền.
5. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ quy định mẫu các loại giấy phép về quản lý các loại vũ khí và công cụ hỗ trợ.
6. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc thu và sử dụng tiền lệ phí đăng ký cấp giấy phép, tiền thưởng trong công tác này và kinh phí để phục vụ cho việc tổng kiểm tra, đăng ký, cấp giấy phép sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Điều 15.-

1. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.
2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 16.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Nghị định số 246/CP ngày 17/5/1958, Nghị định số 175/CP ngày 11/12/1964, Nghị định số 33/CP ngày 24/2/1973 của Hội đồng Chính phủ và các quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Võ Văn Kiệt

(Đã ký)

QUY CHẾ

QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ
(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/CP, ngày 12/8/1996)

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.-

1. Vũ khí bao gồm:

- a) Vũ khí quân dụng gồm: các loại súng ngắn, súng trường, súng liên thành; các loại pháo, dàn phóng, bộ phóng tên lửa, súng cối, hoá chất độc và nguồn phóng xạ các loại đạn; bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ quân dụng, hoá cụ và vũ khí khác dùng cho mục đích quốc phòng - an ninh.
- b) Vũ khí thể thao gồm: các loại súng trường, súng ngắn thể thao chuyên dùng các cỡ; các loại súng hơi, các loại vũ khí khác dùng trong luyện tập, thi đấu thể thao và các loại đạn dùng cho các loại súng thể thao nói trên.
- c) Súng săn gồm: Các loại súng săn một nòng, nhiều nòng các cỡ, tự động hoặc không tự động, súng hơi các cỡ, súng kíp, súng hoả mai, súng tự chế và các loại đạn, vỏ đạn, hạt nổ, thuốc đạn dùng cho các loại súng kể trên.
- d) Vũ khí thô sơ gồm: Dao găm, kiếm, giáo, mác, đinh ba, đại đao, mã tấu, quả đấm bằng kim loại hoặc chất cứng, cung, nỏ, côn các loại và các loại khác do Bộ Nội vụ quy định.

2. Vật liệu nổ công nghiệp bao gồm: Các loại thuốc nổ và phụ kiện gây nổ (kíp nổ, ngòi nổ, dây nổ...) dùng trong sản xuất công nghiệp và các mục đích dân dụng khác.

3. Công cụ hỗ trợ gồm: Các loại roi cao su, roi điện, gậy điện, găng tay điện; lựu đạn cay; súng bắn hơi cay, ngạt, độc, gây mê; bình xịt hơi cay, ngạt, độc, gây mê; súng bắn đạn nhựa, cao su; súng bắn laze, súng bắn đinh, súng bắn từ trường và các loại công cụ hỗ trợ khác.

Điều 2.- Nội dung quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ bao gồm: Quản lý việc sản xuất, sửa chữa, chế tạo, trang bị, sử dụng, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, mua bán, mang ra nước ngoài, mang từ nước ngoài vào; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Điều 3.-

1. Nghiêm cấm tổ chức và cá nhân sản xuất, sửa chữa, mua, bán, mang ra nước ngoài, mang từ nước ngoài vào, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng, biếu tặng, trao đổi các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài muốn mang từ nước ngoài vào hoặc mang ra khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vũ khí, công cụ hỗ trợ để bảo vệ nguyên thủ quốc gia và những người đứng đầu Chính phủ hoặc vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phục vụ việc luyện tập thi đấu thể thao, triển lãm, trưng bày, chào hàng phải được Bộ Nội vụ cấp giấy phép.

Điều 4.- Vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ được trang bị phải để tập trung, quản lý chặt chẽ ở cơ quan, đơn vị, chỉ giao cho người đang thi hành công vụ, luyện tập thi đấu; nghiêm cấm mang về nhà riêng hoặc mang theo người khi không làm nhiệm vụ (ngoài những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này).

- Vật liệu nổ phải được quản lý chặt chẽ theo Quy chế này để phục vụ cho mục đích quốc phòng - an ninh và sản xuất theo kế hoạch của Nhà nước. Nghiêm cấm sử dụng vật liệu nổ trái quy định.

- Súng săn chỉ được sử dụng để săn bắn, giải trí ở những khu vực và thời gian do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 5.-

1. Tổ chức, cá nhân không thuộc diện được trang bị, giao giữ, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ nếu đang có không kể do nguồn gốc nào, đều phải kê khai và nộp tại cơ quan công an hoặc cơ quan quân sự các cấp.

2. Công dân có nghĩa vụ phát hiện và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền các trường hợp sản xuất, sửa chữa, vận chuyển, tàng trữ, mua bán, sử dụng các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép. Mọi trường hợp thu nhặt được vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đều phải nộp cho cơ quan công an hoặc quân sự địa phương, tùy trường hợp cụ thể sẽ được khen thưởng theo quy định.

3. Đối với vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ là tang vật hoặc liên quan đến các vụ án, cơ quan điều tra phải tiếp nhận, bảo quản và xử lý theo quy định.

Điều 6.- Những người sau đây được quyền kiểm tra việc mang, sử dụng, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ và

công cụ hỗ trợ: a) Chiến sĩ Cảnh sát nhân dân đang làm nhiệm vụ.

b) Chiến sĩ Đội kiểm soát quân sự, Đội tuần tra Bộ đội biên phòng được kiểm tra đối với quân nhân và dân quân tự vệ.

c) Trưởng công an cấp xã, chỉ huy trưởng quân sự cấp xã được kiểm tra trong phạm vi xã mình phụ trách; Trưởng đồn biên phòng được kiểm tra trong địa bàn đồn biên phòng phụ trách.

d) Trưởng công an cấp huyện, Chỉ huy trưởng quân sự cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ Công an cấp tỉnh được kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi địa bàn quản lý.

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng quân sự cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ của Bộ Nội vụ, Cục trưởng Cục vũ khí đạn, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Quốc phòng.

e) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và quân đội nhân dân theo dõi công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được kiểm tra theo chức năng, phạm vi địa bàn quản lý.

g) Nhân viên Kiểm lâm khi thi hành công vụ được kiểm tra việc sử dụng súng săn trong phạm vi địa bàn mình phụ trách.

h) Cục trưởng, Vụ trưởng quản lý về vật liệu nổ công nghiệp của Bộ Công nghiệp; Giám đốc Sở công nghiệp; Thanh tra viên về vật liệu nổ của Bộ Công nghiệp được kiểm tra việc sản xuất, cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong các doanh nghiệp nhà nước.

Điều 7.- Tổ chức, cá nhân được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ phải đến cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục đăng ký, sử dụng theo quy định và phải nộp lệ phí.

Chương 2:

QUẢN LÝ VŨ KHÍ QUÂN DỤNG, VŨ KHÍ THỂ THAO

Điều 8.- Những đối tượng sau đây được trang bị vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao:

1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng:

a) Quân đội nhân dân;

b) Công an nhân dân;

c) Dân quân tự vệ;

d) Đội kiểm tra chống buôn lậu của Hải quan, trạm Hải quan cửa khẩu;

đ) Đội An ninh Hàng không;

e) Đội tuần tra kiểm soát của Kiểm lâm;

g) Lực lượng Bảo vệ chuyên trách của một số cơ quan, xí nghiệp nhà nước;

2. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao gồm: Các đơn vị, câu lạc bộ, trường hoặc trung tâm huấn luyện, thi đấu thể thao của Nhà nước.

Điều 9.- Việc sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao chỉ được thực hiện trong các cơ sở của Quân đội và Công an, phải bảo đảm tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh môi trường; có phương tiện phòng cháy, chữa cháy, nổ, độc hại; phòng chống mất, hư hỏng do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Nội vụ quy định.

- Trường hợp đặc biệt một số doanh nghiệp của Nhà nước, nếu có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định có thể được phép sản xuất, sửa chữa một số chi tiết của vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định cụ thể việc quản lý các cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

Điều 10.- Việc xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí thể thao do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 11.- Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cung cấp, chuyển nhượng vũ khí quân dụng cho đối tượng quy định tại các điểm d, đ, e, g Điều 8 Quy chế này sau khi các đối tượng trên được Bộ Nội vụ cho phép bằng văn bản. Sau khi nhận được vũ khí các cơ quan, đơn vị phải làm thủ tục đăng ký và xin cấp giấy phép sử

dụng tại cơ quan Công an theo quy định.

Điều 12.-

1. Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao chỉ cấp cho cơ quan, đơn vị.
2. Trường hợp do yêu cầu chiến đấu, công tác, luyện tập, thi đấu những cơ quan, đơn vị được trang bị vũ khí có thể giao cho cá nhân sử dụng. Người được giao sử dụng vũ khí phải tuân theo các quy định. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao quy định cụ thể việc giao vũ khí cho cá nhân sử dụng.

Điều 13.-

1. Người được giao giữ, sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải có điều kiện, tiêu chuẩn sau:
 - Có chức trách và phải có chứng chỉ đã được huấn luyện về bảo quản, sử dụng và biết sử dụng thành thạo vũ khí được giao.
 - Có phẩm chất đạo đức tốt.
 - Có sức khỏe phù hợp.
2. Khi thi hành công vụ có mang vũ khí phải kèm theo giấy phép sử dụng.
3. Người được giao bảo quản, sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao khi chuyển công tác khác, nghỉ hưu, thôi việc, chuyển ngành hoặc không còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này thì phải nộp lại cho cơ quan, đơn vị. Cơ quan, đơn vị chủ quản có trách nhiệm kiểm tra và thu nhận lại đầy đủ số vũ khí này.
4. Trường hợp bị mất vũ khí, mất giấy phép sử dụng, mất giấy phép vận chuyển vũ khí phải báo ngay cho cơ quan Công an sở tại và cơ quan cấp giấy phép.

Điều 14.- Người được giao quản lý kho vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải có điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt.
- Đã học và có giấy chứng chỉ chuyên môn về quản lý vũ khí.
- Nắm vững nội quy, chế độ quản lý, bảo quản kho vũ khí.

Điều 15.-

1. Các kho vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải:
 - Thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
 - Có nội quy, phương án bảo vệ, phương án phòng cháy, chữa cháy, phương tiện bảo đảm an toàn.
 - Phân công người coi giữ thường xuyên.
 - Có sổ sách theo dõi, chấp hành đúng chế độ, báo cáo thường xuyên và đột xuất.
2. Nơi cất giữ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao tại các cơ quan, đơn vị được trang bị phải có người bảo quản và phương tiện, điều kiện đảm bảo an toàn, duy trì được tuổi thọ các loại vũ khí này.

Điều 16.- Việc vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải có giấy phép hoặc mệnh lệnh hành quân của cấp có thẩm quyền và phải đảm bảo đúng quy tắc an toàn. Vận chuyển số lượng lớn hoặc loại nguy hiểm phải có phương tiện chuyên dùng. Nghiêm cấm vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao và người trên cùng một phương tiện (trừ người có trách nhiệm trong vận chuyển). Khi vận chuyển phải theo đúng quy định ghi trong giấy phép.

Điều 17.-

1. Việc sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải có giấy phép của cơ quan công an hoặc quân sự (đối với các đơn vị do Bộ Quốc phòng quản lý) từ cấp tỉnh trở lên. Việc sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao chỉ được tiến hành tại các cơ sở quy định tại Điều 9 Quy chế này và theo đúng nội dung ghi trong giấy phép.
2. Việc chuyển loại, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải lập hội đồng. Hội đồng

chuyển loại, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí quân dụng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định. Hội đồng chuyển loại, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí thể thao do Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục - Thể thao quyết định sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Thể dục - Thể thao hướng dẫn chi tiết việc chuyển loại, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

Điều 18.-

1. Các loại vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao do tổ chức, cá nhân phát hiện, thu nhặt, giao nộp thì cơ quan công an, quân sự phải tiếp nhận, xử lý nhanh chóng theo đúng quy định.
2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý các loại bom, mìn, lựu đạn, đạn, đầu đạn, thuốc phóng, vật liệu nổ quân dụng do tổ chức, cá nhân giao nộp. Trường hợp cần tái chế vật liệu nổ quân dụng thành vật nổ công nghiệp phải lập phương án xử lý được Bộ Quốc phòng duyệt và phải thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 27/CP ngày 20/4/1995, Nghị định 86/CP ngày 08/12/1995 và Nghị định 02/CP ngày 05/01/1995 của Chính phủ.

Chương 3:

QUẢN LÝ SÚNG SẴN

Điều 19.- Công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú hợp pháp tại Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 20 quy chế này thì có thể được sử dụng súng săn.

Điều 20.- Những người sau đây không được sử dụng súng săn:

- Người đang bị khởi tố, đang thi hành bản án hình sự.
- Người có tiền án, tiền sự.
- Người phải chấp hành một trong các quyết định: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; quản chế hành chính; đưa vào cơ sở giáo dục; đưa vào cơ sở chữa bệnh.
- Người đang mắc bệnh tâm thần hoặc mất khả năng điều khiển năng lực, hành vi của mình.
- Người không đủ điều kiện về sức khỏe.

Điều 21.- Người sản xuất, sửa chữa, kinh doanh súng săn phải có các điều kiện sau đây:

- Có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 17/CP ngày 23 tháng 12 năm 1992 của Chính phủ về quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt.
- Không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 20 Quy chế này.
- Có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22.- Người mua súng săn để sử dụng phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sử dụng và phải có giấy phép của cơ quan công an có thẩm quyền cấp.

Chỉ được phép bán súng săn cho người được phép mua do cơ quan công an có thẩm quyền cấp giấy phép.

Điều 23.- Hồ sơ xin cấp giấy phép chế tạo, sửa chữa, mua, bán, sử dụng súng săn gồm:

- Đơn xin phép.
- Bản khai lý lịch (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã)
- Giấy chứng minh nhân dân.
- Hai ảnh cỡ 4 x 6.

Bộ Nội vụ quy định chi tiết về thủ tục cấp các loại giấy phép.

Điều 24.- Người đang sử dụng súng săn phải đến báo với cơ quan Công an cấp giấy phép khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi nơi thường trú.
- Thay đổi tình trạng súng săn, mất súng săn, súng săn bị hư hỏng không sửa chữa được.
- Giấy phép bị mất hoặc hư hỏng.

Điều 25.- Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

- Sử dụng súng săn không đúng quy định.
- Chế tạo, sản xuất, sửa chữa súng săn trái phép.
- Chuyển đổi, sửa chữa vũ khí quân dụng hoặc vũ khí thể thao thành súng săn.
- Mua, bán, thuê, cho thuê, cho mượn, trao đổi, biếu tặng, thế chấp súng săn và giấy phép sử dụng súng săn trái quy định.
- Săn bắn trong thành phố, thị xã, nơi đông dân cư và những nơi cấm săn bắn khác.

Điều 26.- Người có súng săn phải xuất trình các loại giấy phép và súng săn khi người có thẩm quyền kiểm tra.

Điều 27.- Việc mang súng săn, đạn, các phụ kiện của súng săn từ trong nước ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có giấy phép của Bộ Nội vụ và phải thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép.

Chương 4:

QUẢN LÝ VẬT LIỆU NỔ

Điều 28.- Việc quản lý, sử dụng vật liệu nổ quân dụng phải thực hiện theo quy định về quản lý vũ khí quân dụng.

Điều 29.- Việc quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định của Nghị định này, Nghị định 27/CP ngày 20 tháng 4 năm 1995 và Nghị định 02/CP ngày 05/01/1995 của Chính phủ về quản lý sản xuất, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 30.- Các doanh nghiệp Nhà nước muốn sản xuất, cung ứng vật liệu nổ theo Nghị định 27/CP ngày 20/04/1995 và Nghị định 02/CP ngày 05/01/1995 phải được Bộ Nội vụ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an ninh trật tự; Bộ Công nghiệp cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh cung ứng vật liệu nổ công nghiệp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy đăng ký kinh doanh mới được hoạt động.

Điều 31.- Doanh nghiệp nhà nước sản xuất, cung ứng vật liệu nổ phải có kho bảo quản, thiết bị vận tải và bốc xếp chuyên dùng, phương tiện bảo vệ, phòng chống sét và dòng điện lạc, phòng chống cháy, nổ theo quy định.

Điều 32.- Các điểm xếp, dỡ vật liệu nổ phải bảo đảm yêu cầu về an toàn, phòng, chống cháy, nổ theo quy định và phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép.

Điều 33.- Doanh nghiệp cung ứng vật liệu nổ công nghiệp chỉ được phép bán vật liệu nổ công nghiệp cho các doanh nghiệp, tổ chức được phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Nghiêm cấm các doanh nghiệp, tổ chức mua vật liệu nổ công nghiệp về để nhượng bán lại. Trường hợp các doanh nghiệp, tổ chức không có nhu cầu sử dụng nữa thì phải bán lại cho doanh nghiệp được phép cung ứng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 34.- Các doanh nghiệp, tổ chức được phép mua, bán vật liệu nổ công nghiệp phải ký kết và thanh lý hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của pháp luật và phải gửi bản sao hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng cho Bộ Công nghiệp và Bộ Nội vụ để kiểm tra, giám sát.

Điều 35.- Doanh nghiệp cung ứng vật liệu nổ công nghiệp không được phép cung ứng, kinh doanh những vật liệu nổ không rõ nguồn gốc, chưa qua kiểm định. Các loại vật liệu nổ đã mất phẩm chất hoặc hết thời hạn sử dụng phải được bảo quản riêng để thanh lý.

Điều 36.- Khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải có giấy phép vận chuyển của cơ quan Công an có thẩm quyền, phiếu xuất kho và giấy phép vận chuyển lô hàng.

Điều 37.- Bộ Công nghiệp phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng căn cứ kế hoạch hàng năm trình Chính phủ xét duyệt hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ.

Bộ Thương mại cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp theo chuyển, theo hạn ngạch đã được Chính phủ duyệt.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp Bộ Thương mại gửi bản sao giấy phép đó cho Bộ Nội vụ, Bộ Công nghiệp để theo dõi.

Chương 5:

QUẢN LÝ VŨ KHÍ THÔ SƠ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Điều 38.-

1. Các đối tượng sau đây được trang bị, sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ:

- a) Quân đội nhân dân; dân quân tự vệ.
- b) Công an nhân dân.
- c) Đội kiểm tra chống buôn lậu của Hải quan, Hải quan cửa khẩu.
- d) Đội kiểm tra của lực lượng quản lý thị trường.
- đ) Đội tuần tra kiểm soát của Kiểm lâm.
- e) Ban, Đội bảo vệ chuyên trách của một số cơ quan, tổ chức nhà nước.
- g) Ban Bảo vệ dân phố hoặc tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự ở phường xã.
- h) Trường, Trung tâm huấn luyện tập võ thuật và thể thao của Nhà nước.
- i) An ninh Hàng không.
- k) Đội thi hành án.

l) Tổ chức, cá nhân thi công xây dựng được sử dụng súng bắn đinh. 2. Bộ Quốc phòng quy định cụ thể chế độ quản lý, tiêu chuẩn được trang bị và đăng ký cấp giấy phép sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Bộ Nội vụ quy định cụ thể chế độ quản lý, tiêu chuẩn được trang bị, đăng ký cấp giấy phép sử dụng cho các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l khoản 1 Điều này.

Điều 39.- Các đối tượng nói tại khoản 1 Điều 38 Quy chế này phải có đủ các điều kiện sau đây mới được trang bị, sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ:

1. Có quyết định thành lập tổ chức, đơn vị của cơ quan có thẩm quyền;
2. Có yêu cầu cần thiết trong công tác, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh - trật tự, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, tính mạng tài sản của công dân; huấn luyện, thi đấu thể thao và tự vệ.

Điều 40.-

1. Việc sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải bảo đảm an toàn đúng mục đích. Khi mang công cụ hỗ trợ theo người phải có giấy phép sử dụng; khi mất công cụ hỗ trợ và giấy phép phải báo ngay cho cơ quan Công an sở tại nơi mất và cơ quan cấp giấy phép.

2. Người được giao giữ, sử dụng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ khi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển ngành, chuyển công tác khác hoặc không đủ tiêu chuẩn, điều kiện (quy định tại Điều 39 và Điều 40) thì phải giao nộp lại cho cơ quan, đơn vị được trang bị. Cơ quan, đơn vị được trang bị có trách nhiệm kiểm tra và thu nhận lại đầy đủ.

Điều 41.-

1. Bộ Quốc phòng quy định và quản lý các cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ trong Quân đội nhân dân để trang bị cho các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Quy chế này.

- Việc nhập khẩu vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ để trang bị cho Quân đội nhân dân do Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm.

2. Bộ Nội vụ quy định và quản lý các cơ sở sản xuất, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ để cấp nhượng cho các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l khoản 1 Điều 38 Quy chế này.

3. Việc cung cấp, chuyển nhượng vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại Điều 38 Quy chế này phải có giấy phép của cơ quan Công an từ cấp tỉnh trở lên, trừ các đối tượng do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 42.-

1. Các kho, cơ sở sản xuất sửa chữa vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn, có nội quy, phương án bảo vệ, phương tiện bảo đảm an toàn, sổ sách theo dõi; chấp hành đúng chế độ kiểm tra, báo cáo thường xuyên, đột xuất và có người bảo quản.

Điều 43.- Việc sửa chữa, chuyển loại, thanh lý, tiêu huỷ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ phải theo đúng quy định của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng.

Chương 6:

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 44.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 45.- Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết và tổ chức thực hiện.